

## PHÂN LOẠI CHI LAN ĐỒNG DANH-*Thrixspermum* Lour. HỌ LAN (Orchidaceae Juss.) Ở VIỆT NAM

**DƯƠNG ĐỨC HUYỀN**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Để góp phần xây dựng bộ Thực vật chí Việt Nam, việc hoàn chỉnh những dẫn liệu phân loại của từng nhóm taxon thuộc các họ thực vật khác nhau là rất cần thiết. Trong khuôn khổ của báo cáo này, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu phân loại chi Lan Đồng danh (*Thrixspermum* Lour.), thuộc họ Lan (Orchidaceae Juss.) ở Việt Nam.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp so sánh hình thái. Đây là phương pháp truyền thống, phổ biến, đơn giản nhưng đảm bảo đủ độ tin cậy.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Đặc điểm sinh học của chi *Thrixspermum*

Các đại diện của chi *Thrixspermum* Lour. là cây thân thảo, sống phụ sinh, đơn trục, kích thước trung bình, đứng hoặc rủ. Lá phẳng, không có dạng hình trụ hay dẹp bên, đôi khi nạc, có bẹ. Cụm hoa chùm bên, ở nách lá. Hoa chóng tàn, thường nở luân phiên trong vòng nửa ngày, kích thước hoa đa dạng, từ nhỏ tới trung bình, đường kính từ vài milimet tới vài centimet. Lá đài và cánh hoa thường đồng dạng. Cánh môi dính phần gốc với phần cuối của chân cột, bất động, hình túi nhưng không phải cựa thật, bề mặt thường có lông hoặc nhú, thường có 3 thùy; thùy bên đứng; thùy giữa khá dày và nạc. Cột ngắn, khòe với chân cột dài. Khối phấn 4, dạng sáp, xếp thành 2 cặp không đều, gần hình cầu, dính trên một cán rộng rất ngắn với một đĩa dính. Quả dài, mỏng mảnh.

#### 2. Phân loại chi *Thrixspermum* ở Việt Nam

Chi Lan Đồng danh (*Thrixspermum* Lour.) là một chi không nhỏ, có số lượng loài biến động từ 100-150, phân bố từ Sri Lanka và Ấn Độ đến các đảo Thái Bình Dương. Theo Averyanov (1994), chi *Thrixspermum* Lour. được xếp vào tông Vandeae Lindl., phân họ Vandoideae Endl., thuộc họ Lan (Orchidaceae Juss.). Khóa định loại các loài thuộc chi *Thrixspermum* Lour. hiện biết ở Việt Nam được xây dựng dựa trên các đặc điểm hình thái của các đại diện của chi này. Việt Nam có 15 loài xếp vào 2 sectio. Dưới đây là khóa định loại các sectio và các loài thuộc chi *Thrixspermum* ở Việt Nam.

#### **THRIXSPERMUM Lour.-ĐỒNG DANH, BẠCH ĐIỀM, MAO TỬ**

1790. Fl. Cochinch.: 519; Seidenf. 1988. Opera Bot. 95. 149-167.-*Dendrocolla* Blume, 1825. Bijdr. 6; id. 1825. ibid. 7: 286. *Typus*: *Thrixspermum centipeda* Lour.

#### **Khóa định loại các sectio thuộc chi *Thrixspermum* Lour. ở Việt Nam**

- 1A. Trục cụm hoa xếp xít, hoa xếp 2 dãy; thân không rút ngắn ..... Sect. *Thrixspermum*  
3B. Trục cụm hoa không xếp xít, hoa xếp xoắn, thân rút ngắn với lá mọc gần nhau .....  
..... Sect. *Fornicaria*

*a. Thrixspermum sect. Thrixspermum*

- *Orsidice* Reichb. f. 1854. *Bonplandia* 2: 93.

Thuộc sectio này có 5 loài ở Việt Nam. Dưới đây là khóa định loại các loài.

1A. Lá dài và cánh hoa có chiều dài lớn hơn 3 lần chiều rộng

2A. Lá dài dài gần 3cm, gấp hơn 2 lần cánh môi; thùy giữa cánh môi dày, hình bầu dục, đỉnh tròn hay tù ..... *Th. centipeda*

2B. Lá dài thường dài gần 1,5cm, ngắn hơn 2 lần cánh môi; thùy giữa cánh môi mỏng, hình mác, đỉnh hình côn hay hơi nhọn ..... *Th. fragans*

1B. Lá dài và cánh hoa có chiều dài nhỏ hơn 3 lần chiều rộng

3A. Lóng thân dài 3-4cm; lá hình trứng, phần gốc ôm thân, dài gần 5cm, rộng 2-5cm; cuống cụm hoa dài khoảng 10cm; hoa màu tím nhạt ..... *Th. amplexicaule*

3B. Lóng thân dài 2-3cm. Lá hình bầu dục, hình mác, phần gốc không ôm thân, dài gần 5-15cm, rộng 2-3cm; cuống cụm hoa ngắn hơn 10cm; hoa màu vàng nhạt

4A. Lá dài dài gần 2,5cm. Thùy bên cánh môi hẹp, phần đỉnh hơi nhọn ..... *Th. calceolus*

4B. Lá dài ngắn hơn 1,6cm. Thùy bên cánh môi rộng, phần đỉnh tròn rộng ..... *Th. pauciflorum*

**2.1. *Thrixspermum pauciflorum*** (Hook. f.) Ridl. 1907. *Mat. Fl. Mal. Pen.* 1: 182; Aver. 1988. *Bot. Zhur.* 73 (6): 897; Seidenf. & Wood 1992: 645, Fig. 292 (e-f); Seidenf. 1992. *Opera Bot.* 114: 403.-*Sarcochilus pauciflorus* Hook. f. 890. *Fl. Brit. Ind.* 6: 41.-***Mao tử ít hoa.***

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, có thân cao 5cm, lóng dài 2-3cm. Lá hai dãy, phiến bầu dục thuôn, mập, kích thước 10-15cm, rộng 2-3cm. Cụm hoa ngắn, ít hoa, hoa màu vàng nhạt; lá dài 1,3-1,5cm. Cánh môi màu vàng, thùy giữa cánh môi dài gần 2cm, thùy bên cánh môi rộng, phần đỉnh tròn rộng; khối phần 2.

**Loc. class.:** Malacca ("Perak on the Larut range, alt. 3000 ft."); **Typus:** Scortechini (K).

**Sinh học và sinh thái:** Mọc trong rừng, độ cao khoảng 1000m.

**Phân bố:** Thừa Thiên-Huế (Phú Lộc, Bạch Mã). Còn gặp ở Malaysia.

**Mẫu nghiên cứu:** THỪA THIÊN-HUẾ, HLF 1500 (HN); HLF 1625 (HN).-sine loc., LX-VN 0/227 (LE).

**2.2. *Thrixspermum calceolus*** (Lindl.) Reichenb.f. 1867. *Xenia Orch.* 2: 122; Aver. 1988. *Bot. Zhur.* (Leningrad) 73 (6): 897; Aver. & Huyen, 1990. *Bot. Zhur.* (Leningrad) 75 (5): 722.-*Sarcochilus calceolus* Lindl. 1846. *Bot. Reg.* 32, t.19.-***Mao tử có cựa.***

Phong lan có thân dài, bò hay leo, lóng dài 2-3cm, to 6-7mm, rễ mập. Lá hình bầu dục thuôn, kích thước 8-12 × 2-3cm, đỉnh có 2 thùy không bằng nhau. Cụm hoa chùm đối diện với lá, mang 2-3 hoa, hoa to, trắng, thơm; lá dài hơi rộng hơn cánh hoa, kích thước 2-2,3cm; môi có 2 thùy bên hẹp, xiên, đỉnh hơi nhọn; thùy giữa có lông mịn thưa, đáy thùy có màu hơi vàng.

**Loc. class.:** Singapore. **Lectotypus:** Ic. "*Sarcochilus calceolus* Lindl. 1846. l.c., t.19."

**Phân bố:** Bắc Kạn (Chợ Đồn), Gia Lai (Kbang, Trạm Lập), Lâm Đồng (Đà Lạt). Còn có ở Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Borneo.

**Mẫu nghiên cứu:** BẮC KẠN, HLF 4707 (HN).-GIA LAI, LX-VN sine no. (LE); sine loc., LX-VN 0/11, 26; 0/162 (LE).

**2.3. *Thrixspermum amplexicaule*** (Blume) Reichb.f. 1867. *Xenia Orch.* 2: 121; Seidenf. 1988: 156. Fig. 93, Pl. XVd; id. 1992. *Opera Bot.* 114: 403; Aver. 1994. *Identif. Vietn. Orch.:* 359.-*Dendrocolla amplexicaulis* Blume, 1825, *Bijdr.* 7: 288.-***Mao tử ôm thân.***

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, có thân bò dài, to 3-4mm, lông dài 3-4cm, hơi vàng, có bốt tia; rễ khá dài. Lá có phiến bầu dục, kích thước 5 × 2,5cm, đáy hình tim ôm thân. Cụm hoa chùm, dài 15-25cm, hoa màu tím lợt hay trắng; lá đài dài 1,6cm. Cánh môi ngắn hơn lá đài; thùy giữa cánh môi dài 3-5cm; thùy bên có đốm trắng và tím, thùy chót trắng.

**Loc. class.:** Java. **Typus:** K, AMES.

**Phân bố:** Gia Lai (Kbang, Trạm Lập), Lâm Đồng (Đà Lạt). Còn có ở Thái Lan, Philippines, Malaysia, New Ghine.

**Mẫu nghiên cứu:** GIA LAI, LX-VN sine no. (LE).-LÂM ĐỒNG, Tixier 15/63 (P); sine loc., LX-VN 0/11, 26; 0/162 (LE).

**2.4. *Thrixspermum centipeda*** Lour. 1790. Fl. Cochinch.: 520; Aver. 1988. Bot. Zhur. (Leningrad) 73 (6): 897; id. 1989. ibid. 74 (9): 1354; Seidenf. 1988: 152. Fig. 92, Pl. XVc; id. 1992. Opera Bot. 114: 402, fig. 269; Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 359; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 948.-*Thrixspermum arachnites* (Blume) Reichb. f. 1867, Xen. arch. 2: 121.-**Bạch điếm**, Mao tử rít, Mao tử nhện, Lan xương cá.

Phong lan có thân dài 4-7cm, rộng 5mm, có rễ khí sinh to. Lá có phiến hẹp, to 10 × 1,7cm, dài, đỉnh có 2 thùy không bằng nhau, gốc có đốt trên bẹ. Cụm hoa ngắn hơn lá, phần thụ có lá song đính kết lợp, cao 2-3mm; lá đài và cánh hoa hẹp, dài đến 2,5-3cm, rộng 0,9cm, màu vàng. Cánh môi ngắn, dài 1,5mm, thùy giữa cánh môi dầy, hình bầu dục, đỉnh tròn hay tù.

**Loc. class.:** Việt Nam (“Cochinchine”). **Typus:** BM.

**Phân bố:** Lào Cai (Bảo Hà), Yên Bái, Quảng Ninh (Móng Cái), Bắc Kạn, Vĩnh Phúc, Hòa Bình (Bản Tom gần Tu Vũ), Hà Tây cũ (Ba Vì, Thủ Pháp), Ninh Bình (Cúc Phương, Mây Bạc), Thanh Hóa, Nghệ An (Vinh, Quỳnh Châu), Quảng Bình (Tuyên Hóa), Hà Tĩnh (Hương Sơn), Thừa Thiên-Huế (Bạch Mã), Khánh Hòa (Nha Trang), Kon Tum (Đắk Glây), Gia Lai (Kbang, Sopoai, Trạm Lập), Đắk Lắk, Lâm Đồng (Đà Lạt, Bảo Lộc, đường Sài Gòn-Đà Lạt, km 137-138, Daruga), Ninh Thuận (Phan Rang), Đồng Nai (Biên Hòa, Trị An). Còn có ở Ấn Độ, Myanmar, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines, Australia.

**Mẫu nghiên cứu:** QUẢNG NINH, Tsang 26983 (AMES, P).-YÊN BÁI, Poilane 25252 (AMES, P).-BẮC KẠN, HLF 842 (HN).-NINH BÌNH, LX-VN 1838 (C, HN, LE).-HÀ TĨNH, HLF 5167 (HN).-THỪA THIÊN-HUẾ, HLF 1330 (HN); HLF 1581 (HN).-KHÁNH HÒA, Krempf 1447 (AMES, P.); Evrard 495 (P); Tixier 26/63 (P).-GIA LAI, LX-VN 2062 (HN, LE); colourphot. (C); LX-VN 0/90 (LE).-LÂM ĐỒNG, CRST 422/Len (P).-ĐẮK LẮK, Tam sine no. (VNM).-NINH THUẬN, Poilane 5981 (P).-ĐỒNG NAI, Long 102 (LE).



Hình. *Thrixspermum centipeda* Lour.

1. Cây mang hoa; 2. Cột; 3. Nắp (hình vẽ theo Seidenfaden, 1992)

**2.5. *Thrixspermum fragrans*** Ridl. 1921. Journ. Nat. Hist. Siam Soc. 4: 131; Seidenf. 1992. Opera Bot. 114: 403; Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 360; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 3: 949.-**Bạch điểm thom**, Mao tử thom. Loài đặc hữu của Việt Nam.

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, có thân dài. Lá xếp hai dãy, phiến thon hẹp dài đến 12cm, rộng 1,5cm, đỉnh lá có 2 răng nhỏ. Cụm hoa ngắn, phần hữu thụ có lá bắc xếp lợp hai dãy; kích thước hoa 2,5cm; lá đài dài gần 1,5cm, rộng 0,3cm, cánh hoa thon hẹp. Cánh môi có túi, dài 3,1cm, có 2 thùy bên tròn, đứng, thùy giữa hình mác thon.

**Loc. class.:** Việt Nam (“Annam”). **Typus:** K. (?)

**Phân bố:** Thừa Thiên-Huế (Phú Lộc, Xuân Lộc), Lâm Đồng (Đơn Dương, Dran).

**Mẫu nghiên cứu:** THỪA THIÊN-HUẾ, HLF 1501 (HN); HLF 1733 (HN).-LÂM ĐỒNG, Boden Kloss sine no. (BM).

*b. Thrixspermum sect. Fornicaria (Blume) Aver.*

Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 360.-*Dendrocolla* Blume sect. *Fornicaria* Blume, 1825. Bijdr. 7: 291.-*Thrixspermum* sect. *Dendrocolla* (Blume) J.J. Smith, 1905. Fl. Buitenzorg 6: 577.-*Thylacis* Gagnep. 1932. Bull. Mus. Hist. Nat. Paris 2 ser. 4, 5: 599. *Lectotypus:* *Thrixspermum histrix* (Blume) Reichb. f. (= *Dendrocolla histrix* Blume).

Thuộc sectio này có 10 loài ở Việt Nam. Dưới đây là khóa định loại các loài.

- 1A. Mặt trên lá màu vàng sẫm, lá hình dải, rộng gần 3mm, dài 3,5-9cm ..... *Th. fleryi*  
 1B. Lá ít nhiều phẳng và dẹt, đôi khi nạc, đôi khi màu vàng nhạt, hình mác hẹp tới mác rộng, chiều rộng lá vượt quá 3mm.  
 2A. Thùy giữa cánh môi có 3 thùy nhỏ, có những múi nhỏ và hẹp ở gốc ..... *Th. ancoriferum*  
 2B. Thùy giữa cánh môi nguyên, không có thùy bên; thường tiêu giảm thành những u nhỏ nạc.  
 3A. Cuống cụm hoa dài hơn lá 3-4 lần ..... *Th. poilanei*  
 3B. Cuống cụm hoa ngắn hơn lá, bằng hoặc dài hơn lá một chút  
 4A. Mặt cánh môi nhẵn ..... *Th. hiepii*  
 4B. Mặt cánh môi có thể chai hoặc phủ lông  
 5A. Mặt giữa môi có một thể chai nạc nhẵn, bề mặt phần gốc phủ lông mịn màu gỉ sắt; thùy bên cánh môi có lông màu gỉ sắt ..... *Th. trichoglottis*  
 5B. Mặt môi có lông rậm, phần gốc thường nhẵn; thùy bên cánh môi không có lông màu gỉ sắt.  
 6A. Bề mặt môi (thùy giữa) nhẵn, đôi khi có 2 thể chai nhỏ phủ bởi lông nhú màu nâu; phần gốc môi hay vùng giữa có u lồi mịn ..... *Th. formosanum*  
 6B. Toàn bộ bề mặt môi (thùy giữa) hoặc phần lớn phủ bởi lông dài màu gỉ sắt; phần gốc môi nhẵn hoặc có những nếp nhú nạc dài hình con lăn .....  
 7A. Từ gốc tới đỉnh môi phủ lông mịn và có nhiều nếp nhú nạc dài hình con lăn .....  
 ..... *Th. annamense*  
 7B. Cánh môi không có nếp nhú nạc dài hình con lăn; lông chỉ có trên bề mặt môi, phần gốc nhẵn.  
 8A. Bề mặt môi (thùy giữa) có 3 thể chai lớn, hình tam giác, có lông mịn ..... *Th. merguense*  
 8B. Mặt cánh môi (thùy giữa) có 1 thể chai lớn  
 9A. Bề mặt thể chai phủ lông mịn ..... *Th. carnosum*  
 9B. Bề mặt thể chai phủ lông dài ..... *Th. stelidioides*

**2.6. *Thrixspermum fleuryi*** (Gagnep.) Tang & Wang, 1951. Act. Phyt. Sin. 2 (4): 322; Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 361.-*Thylacis fleuryi* Gagnep. 1932. F. Gen. Indo-Chin. 6: 304.-**Mao tử fleury**, *Tiểu lan*.

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, thân rất ngắn, cao 1-2cm. Lá có 4-5 chiếc, mặt trên lá màu vàng sẫm, phiến hình dải rất hẹp, kích thước 3,5-9 × 0,25cm, cong hình máng. Cụm hoa dài 8mm; hoa vàng tươi hay cam, cánh môi màu trắng có đốm màu cam và lằn nâu nhạt; lá đài dài 7-9mm.

**Loc. class.:** Việt Nam (“Tonkin: Prov. de Phu-tho”). **Typus:** Chevalier 32129 (P).

**Phân bố:** Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ.

**Mẫu nghiên cứu:** YÊN BÁI (Rives sine no. (P).-PHÚ THỌ, Chevalier 32129.

**2.7. *Thrixspermum ancoriferum*** (Guillaum.) Garay, 1972. Bot. Mus. Leaf. Harv. Univ. 23 (4): 206; Seidenf. 1975. Opera Bot. 95: 159, Fig. 96, Pl. XVIc.-*Cleisostoma ancorifera* Guillaum. 1962. Bull. Mus. Paris 2.s. 34 (5): 410.-*C. aciliata* Tixier ex Guillaum. 1964. Bull. Mus. Paris 2. s. 36 (3): 398.-**Mao tử móc**.

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, có thân ngắn khoảng 3cm. Lá có phiến hẹp, kích thước 3-6 × 0,5-2cm, dày, đôi khi màu vàng nhạt, hình mác hẹp tới mác rộng; có bẹ rõ. Cụm hoa dài 5cm, mọc từ nách lá; hoa ít, màu vàng lục nhạt. Lá đài giữa có kích thước 7 × 3mm. Cánh hoa ngắn hơn lá đài. Cánh môi có thùy cạnh vươn tới, thùy giữa có 3 thùy nhỏ dạng răng, có mép màu đỏ, đầu có lông mặt trong; cột màu hơi đỏ, nắp trắng. Quả nang to, kích thước 6 × 0,5cm.

**Loc. class.:** Vietnam (Dalat). **Typus:** Tixier 6/59 (P).

**Phân bố:** Thừa Thiên-Huế (Bạch Mã), Đắk Lắk (piste de Fyan), Lâm Đồng (Đà Lạt, Manline). Còn có ở Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, Tixier 6/59 (P), Tixier VI/61 (P).-ĐẮK LẮK, Tixier 7 (P).

**2.8. *Thrixspermum poilanei*** (Gagnep.) Tang & Wang, 1951. Act. Phytotax. Sin. 1 (1): 3-4: 267. 1951; Seidenf. 1975. Contrib. Rev. Orch. Camb. Laos Vietn.: 109.-*Thylacis poilanei* Gagnep. 1932. Bull. Mus. Paris 2. s. 4 (5): 600; id. 1934. Fl. Gen. Indo-chine, 5: 302, fig. 25.-**Mao tử poilane**.

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, thân dài 3-9cm, lông nhiều, ngắn. Lá xếp hai dãy, có phiến mập, dài 1,5-3cm. Cụm hoa mọc đối diện với lá, dài 6-10cm; hoa màu trắng nhỏ, rất thơm. Lá đài giữa dài 5mm. Cánh hoa thuôn, dài 5-7mm. Cánh môi dài 5-7mm, hình bầu dục rộng, có 3 thùy nông, lõm ở giữa như gót. Cột ngắn.

**Loc. class.:** Vietnam (Quangtri). **Typus:** Poilane 1345 (P).

**Phân bố:** Quảng Trị. Loài đặc hữu của Việt Nam.

**Mẫu nghiên cứu:** QUẢNG TRỊ, Poilane 1345 (P).

**2.9. *Thrixspermum hiepii*** Aver. & Averyanova, 2005. Komarovia 2005 (4): 29-31.-**Mao tử hiệp**. Loài đặc hữu của Việt Nam.

Phong lan có thân rút ngắn, thường phát triển. Lá dài 5-7cm, rộng 0,8cm. Cụm hoa dài 5-6cm mang một vài hoa nở liên tiếp, xếp xít nhau ở phần đỉnh của một trục ngắn. Hoa màu trắng hoặc vàng nhạt, đường kính 9-11mm. Lá đài dài 7mm. Cánh hoa hình trứng thuôn, dài 6mm. Cánh môi hình túi rộng ở góc, dài 7-8mm, rộng 9,5mm, 3 thùy, thùy giữa rất hẹp; thùy bên lớn và rộng hơn, đỉnh tròn, bề mặt môi nhẵn, không có chai, cột rất ngắn và rộng, khoảng 1,5mm. Nắp hình cầu, rộng 1,2mm. Khối phấn hình trứng, 2 cặp bằng nhau, đường kính 1,5mm.

**Loc. class.:** Vietnam (Ha Giang, Quan Ba, BatDaiSon Mts.). **Typus:** NTH 5420E (HN, LE).

**Phân bố:** Hà Giang (Quản Bạ, Cán Tỷ).

**Mẫu nghiên cứu:** HÀ GIANG, NTH 5420E (HN, LE).

**Sinh học sinh thái:** Sống phụ sinh trên cây gỗ trong rừng lá rộng thường xanh và hạt trần trên núi đá vôi, độ cao 1100-1200m. Hoa nở tháng 1-2.

**2.10. *Thrixspermum trichoglottis*** (Hook.f.) Kuntze, 1891. Rev. Gen. 2: 682. 1891; A. D. Kerr, 1969. Nat. Hist. Bull. Siam Soc. 23 (1-2): 203. Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 363.-*Sarcochilus trichoglottis* Hook. f. 1890. Fl. Brit. Ind. 6: 39.-**Mao tử lưỡi có lông.**

Cây thân thảo, sống phụ sinh, có thân cao 4-6cm, nhiều rễ khí sinh. Lá nhiều, phiến hẹp, dài 4-7cm, rộng khoảng 1cm, đầu tròn, có 2 thùy không bằng nhau. Cụm hoa ở ngọn, nơi lá đã rụng, dài khoảng bằng chiều dài lá. Hoa màu vàng nhạt, nở lần lượt, không mở rộng, chóng tàn; cuống và bầu dài 5mm. Đài giữa hình bầu dục thuôn (elip), 4 × 2,5mm, tù; đài bên hình trứng, xiên, 4 × 2,5mm, tù. Cánh hoa hình elip, 3,5-2mm; cánh môi có 3 thùy, gốc hình túi nông, xa gốc có nhiều nhú mịn dày, giữa môi có một u lõi nạc nhẵn, bề mặt phần gốc phủ lông mịn màu gỉ sắt; thùy bên đứng, hơi tròn, 3 × 2mm, mép đỉnh có các lông nhỏ màu gỉ sắt; thùy giữa 1mm, dày, dạng mũ hình bán nguyệt.

**Loc. class.:** Malacca. **Syntypi:** Scortechini sine N et King's coll., 5934" (K).

**Sinh học sinh thái:** Cây ra hoa vào tháng 3.

**Phân bố:** Lâm Đồng (Đà Lạt), Đồng Nai (Biên Hòa). Còn có ở Ấn Độ, đảo Andaman, Myanmar, Lào, Thái Lan, Malaysia, Indonesia.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, CRST 40 (P).-ĐỒNG NAI (Evrard 61 (P), Tam sine no. (VNM).

**2.11. *Thrixspermum formosanum*** (Hayata) Schltr. 1919. Fed. Repert. Beih 4: 274.-*Sarcochilus formosanus* Hayata, 1911. Mat. Fl. Form.: 336.-*Dendrocolla pricei* Rolfe, Kew Bull. 1914: 144.-*Thrixspermum pricei* (Rolfe) Schltr., Fed. Repert. Beih. 4: 274, 1919; Aver. & Huyen, 1990: 722; Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 363.-**Mao tử dài loan.**

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, thân ngắn, 1-2cm. Lá có phiến hẹp, kích thước 3-6 × 0,5cm, nạc, đỉnh đôi khi chia 2 thùy. Cụm hoa chùm đứng, dài 4-6cm, mọc từ nách lá. Hoa màu trắng hay hơi vàng, kích thước khoảng 1cm, nhanh tàn. Lá đài giữa dài 8-9mm, cánh hoa dài 6mm. Cánh môi màu trắng, bề mặt môi nhẵn, đôi khi có 2 u lõi nhỏ phủ bởi lông nhú. Cánh môi màu trắng, kích thước 4-5mm, hình túi ở gốc, có 3 thùy; thùy bên đứng, hình trứng ngược, dài 2-3mm; thùy giữa không rõ nét. Cuống và bầu dài 6-9mm.

**Loc. class.:** Taiwan. **Typus:** W.R. Prince (K)

**Sinh học sinh thái:** Cây ra hoa vào tháng 2-3.

**Phân bố:** Vĩnh Phúc (Tam Đảo); Gia Lai (Tram Lap, Kbang). Còn có ở Trung Quốc (Đài Loan).

**Mẫu nghiên cứu:** VĨNH PHÚC, LX-VN sine no. LE, colourphot C); GIA LAI, LX-VN sine no. (LE).

**2.12. *Thrixspermum carnosum*** (Ridl.) Schltr. 1911. Orchis 5: 3. 1911; Aver. 1988. Bot. Zhurn. (Leningrad) 73 (6): 897; id. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 363.-*Dendrocolla carnosus* Ridl. 1898. Journ. Bot. London 36: 216.-**Mao tử mập**

Cây nhỏ; thân ngắn, chưa đến 5cm. Lá có phiến dài 6-8cm. Lá bắc dài 2mm. Cột ngắn.

**Loc. class.:** Malacca ("Penang").

**Typus:** Curtis, Sept. 1897 (K?).

**Phân bố:** Hòa Bình (Lương Sơn, Lam Sơn), Ninh Bình (Cúc Phương), Gia Lai (Kbang, Kon Hà Nừng). Còn có ở Malacca.

**Mẫu nghiên cứu:** NINH BÌNH, Thai Van Trung *et al.*, 1030b (LE).-GIA LAI, LX-VN 2009 (HN, LE); LX-VN sine no..-HÒA BÌNH, Thin *et al.*, NT 1971 (LE, HN).

**2.13. *Thrixspermum merguense*** (Hook. f.) Kuntze, 1891. Bot. Mus. Leaf. Harv. Univ. 23 (4): 206; Seidenf. 1988, Opera Bot. 95: 159, Fig. 96, Pl. XVIc; Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 364.-*Ascochilus pulvinatus* Guillaum. 1964. Bull. Mus. Paris 2. s. 36.4: 539.-**Mao tử mergui.**

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, cao 3-8cm, có rễ khí sinh cà kheo. Lá có phiến bầu dục hẹp, kích thước 4 × 1cm, dài, không lông, đỉnh tù tròn. Cụm hoa ngoài nách lá, dài hơn lá; phần hữu thụ ngắn, có lá bắc xếp 2 dãy. Cuống hoa và bầu dài 4mm. Lá đài giữa thuôn hoặc trứng thuôn, 5 × 2-3mm, tù; đài bên hơi xiên, giống đài giữa nhưng hơi rộng hơn. Cánh hoa hình trứng ngược thuôn, 4-5 × 2-2,5mm; cánh môi hình tam giác, 3-5mm, hình túi ở gốc, mép 3 thùy; thùy bên đứng, rộng, tù; thùy giữa 1 × 1,5mm. Quả nang dài 2,3cm, rộng 3mm.

**Loc. class.:** South Burma (“Tenasserim; at Mergui”). **Typus:** Griffith 1066 (K).

**Sinh học sinh thái:** Cây ra hoa vào tháng 6-11.

**Phân bố:** Lâm Đồng (Bảo Lộc). Còn có ở Myanmar, vùng lãnh thổ Đài Loan, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, Tixier 12/60 (P).

**2.14. *Thrixspermum annamense*** (Guillaum.) Garay, 1972. Bot. Mus. Leaf. Harv. Univ. 23 (4): 206; Aver. 1989. Zhurn. Bot. (Leningrad) 74 (9): 1354; Seidenf. 1988. Opera Bot. 95: 167, Fig. 102; id. 1992. Opera Bot. 114: 407; Aver. 1994. Identif. Vietn. Orch.: 364.-*Ascochilus annamensis* Guillaum. 1961. Bot. Mus. Paris 2. s. 33 (3): 333.-**Mao tử Trung Bộ.**

Cây thân thảo, sống phụ sinh trên cây gỗ, cao 1cm, lá 4-5 cái, xếp 2 dãy, thon hẹp, kích thước 4 × 0,8cm, dày. Cụm hoa chùm dài 5cm, mọc từ đáy thân, đứng, mang hoa ở 6-8mm chót, có lá bắc nhỏ; cuống hoa và bầu dài 3mm. Hoa có hương thơm, nở liên tục, lần lượt, chóng tàn, màu trắng, nhỏ. Lá đài giống nhau, hình bầu dục thuôn hoặc trứng-bầu dục thuôn, 5-6 × 3-3,3mm, tù. Cánh hoa hình bầu dục thuôn (elip) 5 × 3mm, tròn; cánh môi hình túi hẹp, hình thoi-tam giác, cỡ 5-6,5mm, 3 thùy; thùy bên đứng, hình tam giác, tròn; thùy giữa gần như hình cầu dẹp, nạc, gốc có đường gờ, lông dày hướng trục, hơi có 2 thùy. Cột cao 1,5mm.

**Loc. class.:** South Vietnam (“Annam: un peu partout a Blao”). **Typus:** Tixier 12/60 (P).

**Sinh học sinh thái:** Cây ra hoa vào tháng 4-5.

**Phân bố:** Thừa Thiên-Huế (Bạch Mã), Gia Lai (Kbang, Trạm Lập), Lâm Đồng (Bảo Lộc, Gougah). Còn có ở vùng lãnh thổ Đài Loan, Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** LÂM ĐỒNG, Tixier 12/60 (P).

**2.15. *Thrixspermum stelidioides*** Aver. & Averyanova, 2005. Komarovia 2005 (4): 31-32.-**Mao tử dạng sao.** Loài đặc hữu của Việt Nam.

Phong lan có thân rút ngắn, thường phát triển. Lá dài 4-6cm, rộng 0,5cm. Cụm hoa dài 3-5cm mang một vài hoa nở liên tiếp; hoa chóng tàn, màu trắng, đường kính 6-7mm. Lá đài hình mác rộng, dài 4-5mm, rộng 2mm, cắt ở đỉnh. Cánh hoa hình mác hẹp, dài 4-5mm. Cánh môi có góc hình túi, dài 5mm, rộng 4,5mm, có 3 thùy, thùy giữa hình răng nhỏ, có nhú; thùy bên rất lớn, xiên, hình liềm rộng, rộng về phía đỉnh, mép xẻ răng mịn, gốc thùy giữa có thể chai lớn phủ

kín lông. Cột ngắn và rộng, dài 2mm; chân cột dài 1mm với 2 răng cột ngắn ở đỉnh. Nắp hình bán cầu, rộng 1,5mm. Khối phấn có 2 cặp không đều, đường kính 0,6mm.

**Loc. class.:** Vietnam (Thua Thien-Hue, Phu Loc, Bach Ma Mts.). **Typus:** HLF 1587 (HN, LE).

**Phân bố:** Thừa Thiên-Huế (Phú Lộc, Bạch Mã).

**Mẫu nghiên cứu:** Thừa Thiên-Huế, HLF 1587 (HN, LE).

**Sinh học sinh thái:** Sống phụ sinh trên cành cây gỗ, trong rừng lá rộng thường xanh vùng đất thấp ẩm và rừng tái sinh, đặc biệt là các thung lũng dọc sông, độ cao 300-450m. Hoa nở tháng 4-5.

**Lời cảm ơn:** Công trình được hoàn thành có sự hỗ trợ từ đề tài TN3/T07 thuộc chương trình Tây Nguyên III.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Averyanov V. L.**, 1988. Botanical Journal (Leningrad). 73 (6): 897.
2. **Averyanov V. L. & D. D. Huyen**, 1990. Botanical Journal (Leningrad). 75 (5): 721-724.
3. **Averyanov L. V.**, 1990. Vascular Plant Synopsis of Vietnamese Flora. Leningrad, vol. 1.
4. **Averyanov V. L.**, 1994. Identification guide to Vietnamese Orchids (Orchidaceae Juss.). St. Petersburg, 432 pp.
5. **Averyanov V. L. & Averyanova**, 2005. New orchids from Vietnam. St. Petersburg, 2005 (4): 1-35.
6. **Nguyễn Tiến Bản**, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 3: 559-563.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh, quyển III.
8. **Seidenfaden G.**, 1988. Orchid genera in Thailand 14. Fifty-nine vandoideae genera. Opera Botanica 95. Copenhagen.
9. **Seidenfaden G.**, 1992. The Orchids of Indochina. Opera Botanica 114. Copenhagen.
10. **Seidenfaden G.**, & J. J. Wood, 1992. The Orchids of Peninsular Malaysia and Singapore. Fredensborg.

### CLASSIFICATION OF THE GENUS *Thrixspermum* Lour. (Orchidaceae Juss.) IN VIETNAM

DUONG DUC HUYEN

#### SUMMARY

*Thrixspermum* Lour. is a rather big genus (more 100 species) of the Orchid family, distributed from Sri Lanka, India to Pacific islands. It consists of 15 species in Vietnam.

*Thrixspermum* species are herbs, epiphytic, lithophytic, monopodial, medium-sized. Stems ascending, climbing or pendulous. Leaves flat, never terete or laterally compressed, sometimes fleshy, base sheathing. Inflorescence lateral, axillary, racemose. Flowers usually ephemeral, often fully open for only half a day, small to medium-sized, very variable, from a few millimeters to several centimeters in diam. Sepals and petals subsimilar; lip adnate at base to end of column foot, immovable, saccate but not truly spurred, usually with a partly hairy or papillose, 3-lobed; lateral lobes erect; mid-lobe rather thick and fleshy. Column short, stout, with a long foot; pollinia waxy, 4, appearing as 2 unequal masses, subglobose, attached by a common short and broad stipe to a solitary viscidium. Capsule long, slender.

Based on morphological characteristics of the genus *Thrixspermum* in Vietnam, we built the key to identify all species of the genus. Other informations such as botanical nomenclatures, sited literatures, types, distribution, diagnostic features are supplied in the article.